TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 02/2024/QĐCNHGT-KDTM	V, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HOÀ GIẢI THÀNH TẠI TOÀ ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 90; 91; 94; 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành của người khởi kiện Ngân hàng TMCP Đ; người bị kiện ông Trần Văn K.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đề ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Đ.

- Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 13 tháng 8 năm 2024 về việc thoả thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hoà giải sau đây:

Người khởi kiện: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 194 Trần Q, phường L, quận H, thành phố H

Đại diện theo pháp luật ông Lê Ngọc L - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ

Đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Thanh T- Chức vụ: Quyền giám đốc Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh N

Đại diện theo uỷ quyền lại ông Nguyễn H- Trưởng phòng khách hàng 3- Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh N.

Người bị kiện: Ông Trần Văn K, sinh năm 1961, địa chỉ: thôn Mai T, xã G, huyện V, tỉnh N và bà Đinh Thị V (đã chết ngày 23 tháng 3 năm 2024).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đinh Thị V:

Chị Trần Thị M, sinh năm 1981; Địa chỉ: thôn Mai T, xã G, huyện V, tỉnh N

Anh Trần Văn H, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn M, xã G, huyện V, tỉnh N

Chị Trần Thị M, sinh năm 1984, địa chỉ: thôn Nam P, xã Kiến T, huyện T, thành phố H.

(Anh Trần Văn H, chị Trần Thị M và chị Trần Thị M đều ủy quyền cho ông Trần Văn K theo các văn bản ủy quyền ngày 10/8/2024)

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Kết quả hoà giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 13 tháng 8 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hoà giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 13 tháng 8 năm 2024, cụ thể như sau:

- Tính đến hết ngày 12/8/2024, ông Trần Văn K còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền như sau: Nợ gốc 287.000.000 đồng, nợ lãi: 92.167.671 đồng, lãi phạt quá hạn: 52.230.291 đồng. Tổng số tiền nợ là 431.397.962 đồng (Bốn trăm ba mươi mốt triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm sáu mươi hai đồng)

- Về trách nhiệm trả nợ: Ông Trần Văn K có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền còn nợ tại Hợp đồng tín dụng số 40455/20/5682157/HĐTD ngày 31/08/2020, tính đến hết ngày 12/8/2024 là 431.397.962 đồng (Bốn trăm ba mươi mốt triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm sáu mươi hai đồng) (trong đó Nợ gốc 287.000.000 đồng, nợ lãi: 92.167.671 đồng, lãi phạt quá hạn: 52.230.291 đồng) và toàn bộ lãi, lãi phạt quá hạn của khoản vay phát sinh kể từ ngày 13/8/2024 được tính theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số 40455/20/5682157/HĐTD ngày 31/08/2020 giữa ông Trần Văn K và bà Đinh Thị V với Ngân hàng TMCP Đ đến khi ông Trần Văn K tất toán khoản vay.

Ngân hàng TMCP Đ tiếp tục quản lý giấy tờ về quyền sở hữu, sử dụng của tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I508240 do UBND huyện V cấp ngày 21/01/1999 và Tài sản gắn liền trên đất, địa chỉ: xã G, huyện V, tỉnh N.

Sau khi ông Trần Văn K trả hết các khoản tiền nợ gốc và nợ lãi như đã nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ giải chấp các tài sản đã thế chấp, trả lại ông Trần Văn K giấy tờ về quyền sở hữu của tài sản thế chấp.

Nếu phía ông Trần Văn K không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền nêu trên, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 40340/16/5682157/HĐBĐ ngày 28/01/2016 giữa ông Trần Văn K và bà Đinh Thị V với Ngân hàng TMCP Đ để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

2. Chi phí hòa giải: Các bên không phải chịu

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

Hà Thiện Thành